# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Nghị quyết số: 35/2023/UBTVQH15 | |

**NGHỊ QUYẾT**
**Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;*

**QUYẾT NGHỊ:**

### Chương I
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2030**

1. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã quy định tại Nghị quyết này bao gồm các trường hợp thành lập, nhập, giải thể, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện), xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã).

2. Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 gồm:

a) Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính);

b) Đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

c) Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3. Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026 - 2030 gồm:

a) Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

b) Đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

c) Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại

Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

4. Các đơn vị hành chính không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được khuyến khích thực hiện sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết này để giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới đơn vị hành chính do biến động về địa chất, địa hình hoặc do quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

**Điều 2. Nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

2. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải tuân thủ Hiến pháp, thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan.

4. Chú trọng, cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội.

5. Chú trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

6. Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực

hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giải quyết chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

**Điều 3. Các trường hợp không bắt buộc sắp xếp đơn vị hành chính**

1. Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp:

a) Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề;

b) Có địa giới đơn vị hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào;

c) Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Đơn vị hành chính nông thôn thuộc diện sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển thành đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Trong giai đoạn 2023 - 2025 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021.

3. Trong giai đoạn 2026 - 2030 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025.

4. Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu địa phương thấy cần thực hiện sắp xếp để tổ chức hợp lý đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tại phương án tổng thể và đề án sắp xếp đơn vị hành chính của địa phương để trình cấp có thẩm quyền xem xét.

**Điều 4. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp**

1. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên.

Trường hợp đã thực hiện sắp xếp với đơn vị hành chính liền kề nhưng do có các yếu tố đặc thù về văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, cộng đồng dân cư, điều kiện địa lý tự nhiên nên không thể nhập, điều chỉnh thêm với đơn vị hành chính cùng cấp khác dẫn đến đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp không đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định thì đơn vị hành chính sau sắp xếp phải đạt một trong các điều kiện sau đây:

a) Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng, tiêu chuẩn còn lại phải đạt từ 70% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

b) Đơn vị hành chính cấp huyện có diện tích tự nhiên đạt từ 30% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng và quy mô dân số đạt từ 200% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

c) Đơn vị hành chính cấp xã có diện tích tự nhiên đạt từ 30% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng và quy mô dân số đạt từ 300% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

d) Trường hợp khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định trên cơ sở đề nghị của Chính phủ.

2. Khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc đối với đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp.

3. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn hoặc trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Phạm vi phân loại đô thị đối với thành phố, thị xã, thị trấn dự kiến hình thành sau sắp xếp và phạm vi đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường dự kiến hình thành sau sắp xếp phải căn cứ vào một trong các quy hoạch là quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan.

**Điều 5. Nguồn số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để thực hiện việc sắp xếp**

1. Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

2. Quy mô dân số của đơn vị hành chính gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Số liệu dân số tạm trú quy đổi được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục 3 của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị).

3. Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Điều 6. Đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp**

1. Việc đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và tôn trọng ý kiến của đa số cử tri.

2. Trường hợp nhập các đơn vị hành chính cùng cấp thì khuyến khích việc sử dụng một trong các tên gọi đã có của các đơn vị hành chính trước khi nhập để đặt tên cho đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

## Chương II
## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

**Điều 7. Xây dựng phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này và gửi Bộ Nội vụ để xem xét, cho ý kiến.

2. Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương cần nêu rõ các nội dung sau đây:

a) Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp;

b) Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp;

c) Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp;

d) Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp;

đ) Các đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp;

e) Các đơn vị hành chính đô thị dự kiến mở rộng địa giới hoặc thành lập mới;

g) Các đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp nhưng không đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

h) Kế hoạch, lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

3. Trên cơ sở phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tiếp thu, hoàn thiện phương án tổng thể. Trường hợp cần thiết, Bộ Nội vụ tổ chức đoàn khảo sát hiện trạng các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã dự kiến sắp xếp.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục xây dựng và thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Căn cứ phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương, ý kiến của Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Trường hợp đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có thay đổi, điều chỉnh so với phương án tổng thể đã được Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan cho ý kiến thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, giải trình rõ trong đề án.

2. Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần đơn vị hành chính cấp huyện vào đơn vị hành chính đô thị cùng cấp thì phải lập thành đề án riêng theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3. Trình tự, thủ tục xây dựng và trình đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

4. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chính phủ xây dựng tờ trình về việc thành lập, giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi thực hiện sắp xếp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với tờ trình, đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương tương ứng.

**Điều 9. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã gửi Bộ Nội vụ thẩm định gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và các phụ lục kèm theo đề án gồm các bảng biểu theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này; bản đồ hiện trạng địa giới của đơn vị hành chính cấp tỉnh (trong trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện), của đơn vị hành chính cấp huyện (trong trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã); bản đồ phương án sắp xếp đơn vị hành chính. Tại đề án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuyết minh rõ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;

c) Đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần đơn vị hành chính cấp huyện vào đơn vị hành chính đô thị cùng cấp (bao gồm cả nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc) và các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (nếu có);

d) Hồ sơ đề án phân loại đô thị đối với thị trấn dự kiến hình thành sau sắp xếp, hồ sơ công nhận đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường dự kiến hình thành sau sắp xếp (nếu có) trong trường hợp đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có nội dung về thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị, trừ tài liệu đã kèm theo đề án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến của cử tri, của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

e) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận, công nhận yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này và các tài liệu chứng minh yếu tố đặc thù khác quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này (nếu có);

g) Dự thảo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để triển khai thực hiện nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương.

2. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trình Chính phủ gồm:

a) Tờ trình của Bộ Nội vụ;

b) Dự thảo đề án của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Dự thảo đề án của Chính phủ về thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần đơn vị hành chính cấp huyện vào đơn vị hành chính đô thị cùng cấp (nếu có);

d) Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan (nếu có);

e) Dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính.

3. Hồ sơ thẩm tra và hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã gồm:

a) Tờ trình của Chính phủ;

b) Đề án của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Đề án của Chính phủ về thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần đơn vị hành chính cấp huyện vào đơn vị hành chính đô thị cùng cấp (nếu có);

d) Dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến của cử tri, của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan; kết quả lấy ý kiến thành viên Chính phủ thông qua đề án về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

## Chương III
## KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ÁP DỤNG CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

**Điều 10. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được thực hiện như sau:

a) Khi nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để hình thành một đơn vị hành chính cùng cấp mới thì tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới thực hiện theo quy định tại Điều 134 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị;

b) Khi điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để hình thành đơn vị hành chính cùng cấp thì tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Điều 136 và Điều 137 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị;

c) Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã do điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính để thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mà không còn đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì thực hiện theo quy định tại Điều 138 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được xác định như sau:

a) Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập các đơn vị hành chính cùng cấp và có tên gọi khác với tên gọi của đơn vị hành chính được nhập thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập;

b) Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính và thay đổi tên gọi hoặc loại hình đơn vị hành chính thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập;

c) Trường hợp đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở nhập hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính cùng cấp và giữ nguyên tên gọi và loại hình của một trong các đơn vị hành chính được nhập, điều chỉnh thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau khi nhập, điều chỉnh tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính được giữ nguyên tên gọi.

4. Việc tổ chức các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được thực hiện như sau:

a) Khi nhập các đơn vị hành chính cấp huyện để thành lập một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì tiến hành nhập nguyên trạng các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau. Trường hợp nhập đơn vị hành chính cấp huyện có tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện với đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện thì khi hình thành đơn vị hành chính cấp huyện mới vẫn tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện cho đến khi hết nhiệm kỳ. Việc

tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ tiếp theo thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện;

b) Khi nhập các đơn vị hành chính cấp huyện để hình thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì tiến hành nhập nguyên trạng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có cùng chức năng, nhiệm vụ; đối với các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác không cùng chức năng, nhiệm vụ thì việc thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ.

5. Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cùng loại trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

6. Kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương, tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trên địa bàn cho đến khi nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có liên quan có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp khuyết người đứng đầu cơ quan, tổ chức mà không bố trí được người phụ trách theo quy định của pháp luật thì được bầu, bổ nhiệm chức danh đó.

7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính mới phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy.

**Điều 11. Số lượng lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Khi xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chỉ đạo rà soát, dự kiến phương án bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, xác định rõ số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế; việc sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, tổ chức mới và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư phải có lộ trình phù hợp với đặc thù của từng địa phương và thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục, số lượng vị trí việc làm và tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo các nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp phải bảo đảm đúng theo quy định. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Nội vụ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Điều 12. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Thực hiện bảo lưu các chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với những người được tiếp tục làm việc nhưng không giữ các chức vụ trước đây cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử (đối với những người giữ chức vụ do bầu cử) hoặc hết thời hạn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với những người giữ chức vụ do bổ nhiệm). Trường hợp thời hạn còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm dưới 06 tháng thì được bảo lưu tròn 06 tháng. Sau khi hết thời hạn được bảo lưu thì lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) được thực hiện theo chức vụ, chức danh hiện giữ hoặc giải quyết nghỉ chế độ theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tùy từng trường hợp được tuyển

dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc hưởng các chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

3. Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

**Điều 13. Sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Căn cứ phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách và dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương thuộc phạm vi quản lý kèm theo đề án. Các Bộ, cơ quan trung ương có đơn vị trực thuộc trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp lập danh sách và dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trường hợp không có nhu cầu sử dụng thì chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trụ sở để thực hiện sắp xếp, quản lý, sử dụng theo nhu cầu của địa phương.

2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính sau sắp xếp.

3. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

4. Chính quyền địa phương các cấp chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

**Điều 14. Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp**

1. Khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện mà không làm thay đổi tên gọi, địa giới của đơn vị hành chính cấp xã thì tại các đơn vị hành chính cấp xã vẫn được áp dụng các chế độ, chính sách đặc thù như trước khi thực hiện sắp xếp.

Khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã mà không làm thay đổi phạm vi của thôn, tổ dân phố thì tại thôn, tổ dân phố vẫn được áp dụng các chế độ, chính sách đặc thù như trước khi thực hiện sắp xếp.

2. Khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mà làm thay đổi tên gọi, địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, phạm vi thôn, tổ dân phố thì việc áp dụng chế độ, chính sách đặc thù được thực hiện như sau:

a) Người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền;

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã được thay đổi tên gọi, điều chỉnh nguyên trạng vào 01 đơn vị hành chính cấp huyện thì cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác tại đơn vị hành chính đó tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách đặc thù theo khu vực hoặc theo vùng như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp nhập, điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã này với đơn vị hành chính cùng cấp khác thì cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được áp dụng chế độ, chính sách đặc thù theo khu vực hoặc theo vùng với mức cao nhất của một trong các đơn vị hành chính cùng cấp được nhập, điều chỉnh vào đơn vị hành chính mới cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền;

c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện được nhập vào đơn vị hành chính cấp huyện khác thì cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công

lập cấp huyện tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được áp dụng chế độ, chính sách đặc thù theo khu vực hoặc theo vùng với mức cao nhất của một trong các đơn vị hành chính cùng cấp được nhập, điều chỉnh vào đơn vị hành chính mới cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

3. Thời gian hưởng các chế độ, chính sách đặc thù quy định tại khoản 2 Điều này kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định mới. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành rà soát, công nhận theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định, công nhận việc hưởng các chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

4. Trường hợp nhập toàn bộ đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, điều chỉnh toàn bộ phạm vi thôn, tổ dân phố vào đơn vị hành chính cấp xã khác thì ngân sách phân bổ cho đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được tính trên cơ sở cộng gộp định suất của các đơn vị hành chính, của thôn, tổ dân phố trước khi thực hiện sắp xếp.

Trường hợp điều chỉnh một phần đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã khác thì căn cứ nguồn vốn đã phân bổ, tỷ lệ dân số hoặc tỷ lệ diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính phải điều chỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho các đơn vị hành chính cấp huyện sau sắp xếp; Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp; tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện theo nghị quyết của Quốc hội thì Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc sau sắp xếp.

5. Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố có thay đổi tên gọi sau khi thực hiện sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

**Điều 15. Việc thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp**

1. Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách của các Chương trình mục tiêu quốc gia do Quốc hội phê duyệt (sau đây gọi là Chương trình mục tiêu quốc gia) nhập với nhau thì tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách theo một hoặc nhiều Chương trình mục tiêu quốc gia sắp xếp với đơn vị hành chính không thuộc đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia thì tại khu vực đang hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được hưởng như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình.

3. Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố đang được hưởng chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nếu sau sắp xếp mà thay đổi tên gọi thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung việc thực hiện chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia tại các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

**Điều 16. Việc công nhận đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sắp xếp với đơn vị hành chính cùng cấp thuộc cùng khu vực III, khu vực II, khu vực I thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Ủy ban Dân tộc

để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sắp xếp với đơn vị hành chính cấp xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc không cùng khu vực III, khu vực II, khu vực I hoặc trong quá trình thực hiện sắp xếp, có thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có sự thay đổi về tên gọi, phạm vi địa giới thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, nếu đủ điều kiện theo quy định thì lập hồ sơ đề nghị và thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định, gửi Ủy ban Dân tộc để quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**Điều 17. Việc công nhận đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã tiến hành sắp xếp mà đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện tiến hành sắp xếp mà đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu nhập với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thì Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, lập hồ sơ đề nghị và thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định để công nhận khi có đủ điều kiện đối với đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp hoặc gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận đối với đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp.

**Điều 18. Việc công nhận đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính**

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tiến hành sắp xếp mà đều đã được cấp có thẩm quyền công nhận là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo đối với đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được công nhận thuộc vùng an toàn khu, xã an toàn khu, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo sắp xếp với đơn vị hành chính huyện, cấp xã chưa được công nhận là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, nếu bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định về vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo thì lập hồ sơ đề nghị và thực hiện các trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

**Điều 19. Việc công nhận đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động**

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tiến hành sắp xếp mà đều đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Chủ tịch nước công nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động đối với đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động sắp xếp với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, nếu bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện quy định về phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động thì lập hồ sơ đề nghị và thực hiện các trình tự, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

**Điều 20. Phân loại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp**

Việc phân loại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

**Điều 21. Chuyển đổi giấy tờ cho cá nhân, tổ chức**

1. Các loại giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cá nhân, công dân, tổ chức trước khi thực hiện sắp xếp theo đơn vị hành chính cũ nếu chưa hết thời hạn theo quy định vẫn được tiếp tục sử dụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền và triển khai việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

## Chương IV
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

### Điều 22. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng phương án, đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến cử tri; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư; hoạt động kiến thiết thị chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp để chi các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức 20 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp huyện giảm và 500 triệu đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính. Căn cứ kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, Chính phủ trình Quốc hội quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của các cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với từng giai đoạn 2023 - 2025 và 2026 - 2030, trong đó xác định yêu cầu cụ thể về lộ trình, tiến độ, trách nhiệm tổ chức thực hiện của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Nghị quyết này;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền quy định, hướng dẫn về việc sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và các nội dung khác có liên quan về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

c) Chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong các quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan;

d) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc phân bổ hỗ trợ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

đ) Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trong Quý IV năm 2025; sơ kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 và tổng kết toàn bộ thời kỳ từ năm 2019 đến năm 2030 trong Quý I năm 2031 và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết này; hướng dẫn việc sử dụng kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính, việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù và các nội dung khác có liên

quan đến thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; trên cơ sở đề nghị của địa phương, thực hiện thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và áp dụng các chế độ, chính sách đặc thù đối với các đơn vị hành chính sau sắp xếp; tổ chức, sắp xếp các cơ quan, đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc thành lập, giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xử lý trụ sở công dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan bảo đảm phù hợp với việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

c) Tổ chức xây dựng phương án tổng thể, đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tổ chức lấy ý kiến cử tri về đề án; thông qua đề án theo quy định tại Nghị quyết này;

d) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp;

đ) Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính đô thị sau sắp xếp.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

6. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 7 năm 2023.

**Điều 25. Áp dụng pháp luật và điều khoản chuyển tiếp**

1. Đơn vị hành chính thuộc diện khuyến khích sắp xếp quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết này đã được đưa vào phương án tổng thể và đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của địa phương thì được áp dụng các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Trong thời gian cấp có thẩm quyền chưa công nhận đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chí, tiêu chuẩn, danh hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 của Nghị quyết này thì việc thực hiện chế độ, chính sách của các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này.

3. Các chương trình, dự án đầu tư công đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Các chương trình, dự án đầu tư công đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa được bố trí kế hoạch vốn hằng năm trước ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Các chương trình, dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Các đề án về thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính có liên quan đến các đơn vị hành chính thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2030 đã được thẩm định, trình Chính phủ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính./.

---

*Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 24 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023.*

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**
**CHỦ TỊCH**

**Vương Đình Huệ**

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030)*

**Phụ lục 1**

**Mẫu Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH (THÀNH PHỐ)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..../PA-UBND | *....., ngày... tháng... năm...* |

**PHƯƠNG ÁN**

**TỔNG THỂ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN... CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số.../NQ-CP ngày... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...; Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... báo cáo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn..., như sau:

## Phần I
## HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

### I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

**1. Tỉnh (thành phố):**

1.1. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.2. Quy mô dân số (người)

*(Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 đối với giai đoạn 2023 - 2025; đến thời điểm ngày 31/12/2025 đối với giai đoạn 2026 - 2030)*

**2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:**

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố)

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

**3. Số lượng ĐVHC cấp xã:**

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn)

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

**II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí sau đây:)*

1.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

*(Ghi thuộc khu vực miền núi, vùng cao, khu vực hải đảo; ghi cụ thể yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC)*

1.1.2. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.1.3. Quy mô dân số (người)

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

1.1.5. Số ĐVHC trực thuộc:

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng *(thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)*

1.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

1.2...

**2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục II.1 phần này)*

**3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục II.1 phần này)*

**4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục II.1 phần này)*

**III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí sau đây:)*

1.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

*(Ghi thuộc khu vực miền núi, vùng cao, khu vực hải đảo; ghi cụ thể yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC)*

1.1.2. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.1.3. Quy mô dân số (người)

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng *(thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)*

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

1.2...

**2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

**3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

**4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

*(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 1-1A, 1-1B, 1-1C, 1-2A, 1-2B, 1-2C kèm theo)*

## Phần II
## PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

### I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

**1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp**

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu

chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì huyện... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

1.1.2...

1.2. Sắp xếp ĐVHC cấp huyện thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp huyện

1.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp huyện có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- ĐVHC trực thuộc (gồm số lượng ĐVHC trực thuộc và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC trực thuộc):

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- ĐVHC trực thuộc (gồm số lượng ĐVHC trực thuộc và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC trực thuộc):

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC

1.2.2...

**2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

2.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

2.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...%

so với tiêu chuẩn) vào huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì huyện... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

2.1.2...

2.2. Sắp xếp ĐVHC cấp huyện thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp huyện

2.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với

tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp huyện có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- ĐVHC trực thuộc (gồm số lượng ĐVHC trực thuộc và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC trực thuộc):

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- ĐVHC trực thuộc (gồm số lượng ĐVHC trực thuộc và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC trực thuộc):

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

2.2.2...

**II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

**1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp**

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì xã... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì xã... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

1.1.2...

1.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

1.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

1.2.2...

**2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

2.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

2.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì xã... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì xã... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

2.1.2...

2.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

2.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

2.2.2...

**III. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN... NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**IV. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH**

**V. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)... SAU SẮP XẾP**

**1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã... đơn vị (gồm...)

**2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã... đơn vị (gồm...)

**3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện giảm... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã giảm... đơn vị (gồm...)

**VI. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện**

a) Năm...

b) Năm...

**2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện**

**VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Kết luận**

**2. Kiến nghị, đề xuất**

*

* *

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh (thành phố)... giai đoạn..., đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến để UBND tỉnh (thành phố) tổ chức lập hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

***Nơi nhận:***
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (TP)...;
- CT, các PCT UBND tỉnh (TP)...;
- Sở Nội vụ;
- ...
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 1- 1A**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

## THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

***(Kèm theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Các quận:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...** **Phụ lục 1- 1B**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **IV** | **Các quận:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 2 và khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 1- 1C**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **IV** | **Các quận:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 1- 2A**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

## THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

***(Kèm theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 1- 2B**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 2 và khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 1- 2C**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2**
**Mẫu Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH (THÀNH PHỐ)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..../ĐA-UBND | *....., ngày... tháng... năm...* |

**ĐỀ ÁN**
**SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN... CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số.../NQ-CP ngày... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...; ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số... ngày..., Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn... như sau:

## Phần I
## CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

### I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.

4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số.../NQ-CP ngày.../.../... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...

9. Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn... của tỉnh (thành phố)...; văn bản số.... ngày.../.../... của Ban Thường vụ tỉnh ủy (thành ủy) thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn... của tỉnh (thành phố)...

10. Văn bản số... ngày.../.../... của Bộ Nội vụ về ý kiến đối với Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn... của tỉnh (thành phố)... và ý kiến của các Bộ, ngành trung ương có liên quan (nếu có).

**II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

## Phần II
## HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

**I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)... TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương từ năm 1945 đến nay (chia ra các giai đoạn: 1945 - 1975; 1975 - 1997; 1997 - 2018 và từ 2019 đến nay)

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

**II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...**

**1. Tỉnh (thành phố):**

1.1. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.2. Quy mô dân số (người)

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh (thành phố)

*(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 đối với giai đoạn 2023 - 2025; đến thời điểm ngày 31/12/2025 đối với giai đoạn 2026 - 2030)*

**2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:**

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố)

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

**3. Số lượng ĐVHC cấp xã:**

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn)

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

**III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí sau đây:)*

1.1. Tên ĐVHC thuộc diện sắp xếp

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

*(Ghi thuộc khu vực miền núi, vùng cao, khu vực hải đảo; ghi cụ thể yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC)*

1.1.2. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.1.3. Quy mô dân số (người)

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

1.1.5. Số ĐVHC trực thuộc:

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng *(thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)*

1.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

1.2...

**2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

**3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

**4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục III.1 phần này)*

**IV. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí sau đây:)*

1.1. Tên của ĐVHC thuộc diện sắp xếp

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

*(Ghi thuộc khu vực miền núi, vùng cao, khu vực hải đảo; ghi cụ thể yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC)*

1.1.2. Diện tích tự nhiên ($km^2$)

1.1.3. Quy mô dân số (người)

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng *(thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)*

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

1.2...

**2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục IV.1 phần này)*

**3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục IV.1 phần này)*

**4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp**

*(Liệt kê cụ thể danh sách từng ĐVHC theo các tiêu chí tại mục IV.1 phần này)*

*(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 2-1A, 2-1B, 2-1C, 2-2A, 2-2B, 2-2C kèm theo)*

## Phần III
## PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

**I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ TRỰC THUỘC (NẾU CÓ)**

**1. Phương án sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thuộc diện sắp xếp thành ĐVHC nông thôn cùng cấp**

1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì huyện... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

1.2...

**2. Phương án sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp thành ĐVHC nông thôn cùng cấp**

2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...%

so với tiêu chuẩn) vào huyện... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì huyện... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì huyện... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Số ĐVHC trực thuộc:

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

2.2...

*(Lưu ý: Trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp huyện có bao gồm cả sắp xếp các ĐVHC cấp xã trực thuộc thì trong mục này cần liệt kê cụ thể các ĐVHC cấp xã trực thuộc thực hiện sắp xếp theo các tiêu chí như tại mục II phần này).*

**II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ** *(không bao gồm các ĐVHC cấp xã trực thuộc các ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp đã nêu tại mục I phần này)*

**1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp**

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì xã... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì xã... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

1.1.2...

1.2. Sắp xếp ĐVHC đô thị cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

1.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

1.2.2...

**2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp**

2.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

2.1.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào xã... (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì xã... có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì xã... còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số (...người; chiếm tỷ lệ...%) *(nếu có)*

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

2.1.2...

2.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

2.2.1. Nhập, điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC cấp xã (có diện tích tự nhiên là... $km^2$, đạt...% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là... người, đạt...% so với tiêu chuẩn); trường hợp có thành lập ĐVHC mới thì ghi rõ phương án thành lập ĐVHC mới đó.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì ĐVHC cấp xã có:

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

c) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã còn lại có (trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC):

- Diện tích tự nhiên... $km^2$ (đạt...% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số... người (đạt...% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC...:

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

2.2.2...

*Lưu ý: Trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc ĐVHC cấp huyện để nhập, điều chỉnh vào ĐVHC đô thị cấp huyện khác thì trong mục này chỉ nêu khái quát phương án và dẫn chiếu đến đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện.*

**III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC ĐÔ THỊ CẤP HUYỆN (có đề án riêng kèm theo)**

*Trong mục này chỉ nêu khái quát phương án và dẫn chiếu đến đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện. Trong đề án sắp xếp ĐVHC đô thị cấp huyện cần nêu cụ thể các phương án thành lập ĐVHC đô thị cấp huyện, nhập toàn bộ hoặc điều chỉnh một phần ĐVHC cấp huyện vào ĐVHC đô thị cùng cấp, bao gồm cả nội dung sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc.*

**IV. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN PHẢI SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN... NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**V. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH**

**VI. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH, (THÀNH PHỐ)... SAU SẮP XẾP**

**1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã... đơn vị (gồm...)

**2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã... đơn vị (gồm...)

**3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp**

a) ĐVHC cấp huyện giảm... đơn vị (gồm...)

b) ĐVHC cấp xã giảm... đơn vị (gồm...)

## Phần IV
## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

**1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước**

1.1. Tác động tích cực

1.2. Tác động tiêu cực

**2. Tác động về kinh tế - xã hội** (bao gồm tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn)

2.1. Tác động tích cực

2.2. Tác động tiêu cực

**3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

3.1. Tác động tích cực

3.2. Tác động tiêu cực

**4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công**

4.1. Tác động tích cực

4.2. Tác động tiêu cực

**5. Tác động khi nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC** *(nếu có)*

5.1. Tác động tích cực

5.2. Tác động tiêu cực (bao gồm tác động đến ngân sách nhà nước do việc tăng chi)

### II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

**1. Những thuận lợi**

**2. Những khó khăn, vướng mắc**

**3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc** (bao gồm các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan)

**4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

**III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện**

a) Năm...

b) Năm...

**2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện**

**IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC**

**2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC**

**3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC**

**V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)**

Rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo quy định tại các điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Kết luận**

**2. Kiến nghị, đề xuất**

*

* *

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh (thành phố)... giai đoạn... UBND tỉnh (thành phố)... kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (TP)...;
- CT, các PCT UBND tỉnh (TP)...;
- Sở Nội vụ;
- ...
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 2- 1A**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

## THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Các quận:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2- 1B**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **IV** | **Các quận:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 2 và khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2- 1C**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các huyện:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thành phố:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các thị xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | | Số ĐVHC cấp xã trực thuộc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **IV** | **Các quận** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 6: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 7: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 9: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2- 2A**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

## THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2- 2B**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 2 và khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**Phụ lục 2- 2C**

**TỈNH (THÀNH PHỐ):...**

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN...**

***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn...)***

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Các xã:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **II** | **Các thị trấn:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |
| **III** | **Các phường:** | | | | | | | | | | |
| 1 | ... | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên ĐVHC cấp xã | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên | | Quy mô dân số | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) | | Diện tích ($km^2$) | Tỷ lệ (%) | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ (%) |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 2 | ... | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

- ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ theo khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cột 7: Liệt kê các yếu tố đặc thù theo quy định tại Điều 3a và Điều 9a của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

- Cột 10: Quy mô dân số gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2022.

Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 được tính đến thời điểm ngày 31/12/2025.

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**